HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /2026/NQ-HĐND	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm*

DỰ THẢO LẦN 3

NGHỊ QUYẾT

Quy định tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, nội dung và mức hỗ trợ trực tiếp chi phí đầu tư đối với dự án sản xuất sản phẩm công nghệ số trọng điểm; dự án nghiên cứu và phát triển, thiết kế, sản xuất, đóng gói, kiểm thử sản phẩm chip bán dẫn; dự án xây dựng trung tâm dữ liệu trí tuệ nhân tạo trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Công nghiệp công nghệ số số 71/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 145/2025/QH15;

Căn cứ Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 133/2025/QH15, Luật số 148/2025/QH15;

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư số 143/2025/QH15;

Căn cứ Luật Viễn thông số 24/2023/QH15;

Căn cứ Luật Trí tuệ nhân tạo số 134/2025/QH15;

Căn cứ Luật Phát triển đô thị số 18/2026/QH16;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 193/2026/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định về quyết toán vốn đầu tư dự án;

Xét Tờ trình số ……/TTr-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Nghị quyết quy định tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, nội dung và mức hỗ trợ trực tiếp chi phí đầu tư đối với dự án sản xuất sản phẩm công nghệ số trọng điểm; dự án nghiên cứu và phát triển, thiết kế, sản xuất, đóng gói, kiểm thử sản phẩm chip bán dẫn; dự án xây dựng trung tâm dữ liệu trí tuệ nhân tạo trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; Báo cáo thẩm tra số……/BC-BĐT ngày …. tháng …. năm 2026 của Ban Đô thị Hội đồng nhân dân Thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp.

Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành Nghị quyết quy định tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, nội dung và mức hỗ trợ trực tiếp chi phí đầu tư đối với dự án sản xuất sản phẩm công nghệ số trọng điểm; dự án nghiên cứu và phát triển,

thiết kế, sản xuất, đóng gói, kiểm thử sản phẩm chip bán dẫn; dự án xây dựng trung tâm dữ liệu trí tuệ nhân tạo trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, nội dung và mức hỗ trợ trực tiếp chi phí đầu tư xây dựng nhà máy, hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị máy móc từ ngân sách Thành phố cho các dự án sản xuất sản phẩm công nghệ số trọng điểm; dự án nghiên cứu và phát triển, thiết kế, sản xuất, đóng gói, kiểm thử sản phẩm chip bán dẫn; dự án xây dựng trung tâm dữ liệu trí tuệ nhân tạo trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 4 Điều 28 Luật Công nghiệp công nghệ số.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Nhà đầu tư thực hiện dự án sản xuất sản phẩm công nghệ số trọng điểm; dự án nghiên cứu và phát triển, thiết kế, sản xuất, đóng gói, kiểm thử sản phẩm chip bán dẫn; dự án xây dựng trung tâm dữ liệu trí tuệ nhân tạo trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi chung là nhà đầu tư).

2. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc hỗ trợ

1. Nhà đầu tư tự kê khai và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của các số liệu, thông tin, nội dung trong hồ sơ thực hiện thủ tục hỗ trợ chi phí.

2. Mức hỗ trợ chi phí tại Nghị quyết này được xác định căn cứ trên mức đề nghị của nhà đầu tư đáp ứng điều kiện hỗ trợ, quyết định phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền và bảo đảm nguyên tắc tổng kinh phí hỗ trợ không vượt quá dự toán ngân sách Thành phố bố trí hằng năm cho chính sách này.

3. Trường hợp dự án đồng thời đủ điều kiện hưởng hỗ trợ theo Nghị quyết này và chính sách hỗ trợ khác của Chính phủ hoặc Thành phố Hồ Chí Minh hoặc địa phương khác cho cùng một hạng mục chi phí đầu tư, thì nhà đầu tư được lựa chọn áp dụng một hình thức hỗ trợ, bảo đảm nguyên tắc chỉ được áp dụng hỗ trợ cho hạng mục này từ một hình thức hỗ trợ.

4. Chính sách hỗ trợ tại Nghị quyết này áp dụng đối với nhà đầu tư có dự án đầu tư được cấp có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc giấy tờ pháp lý có giá trị tương đương theo quy định của pháp luật về đầu tư được cấp từ ngày Điều 28 Luật Công nghiệp công nghệ số có hiệu lực thi hành.

5. Việc hỗ trợ phải bảo đảm khách quan, công khai, minh bạch, bình đẳng, đúng đối tượng, đúng nội dung.

6. Kết thúc năm tài chính, nhà đầu tư có trách nhiệm báo cáo tình hình thực hiện các nội dung cam kết khi nhận hỗ trợ. Báo cáo gửi về Sở Khoa học và Công

nghệ và cơ quan tiếp nhận hồ sơ thực hiện thủ tục hỗ trợ chi phí trước ngày 31 tháng 3 của năm tiếp theo để theo dõi, giám sát.

7. Nhà đầu tư đã nhận kinh phí hỗ trợ phải bồi hoàn số tiền đã nhận vào ngân sách nhà nước trong các trường hợp sau đây:

a) Không đáp ứng các tiêu chí, điều kiện và nội dung cam kết quy định tại Nghị quyết này;

b) Hạng mục chi phí đề nghị hỗ trợ đã được nhận kinh phí từ hình thức hỗ trợ khác của Trung ương, Thành phố Hồ Chí Minh hoặc địa phương khác;

c) Giả mạo hồ sơ, sử dụng chứng từ không hợp pháp hoặc kê khai thông tin không chính xác dẫn đến việc xác định số tiền hỗ trợ cao hơn mức thực tế đủ điều kiện được hưởng.

Điều 4. Tiêu chí xem xét hỗ trợ

1. Dự án đề nghị hỗ trợ phải thuộc một trong các loại hình dự án với các tiêu chí kỹ thuật cụ thể sau đây:

a) Đối với dự án sản xuất sản phẩm công nghệ số trọng điểm: sản phẩm đầu ra của dự án phải thuộc danh mục sản phẩm công nghệ số trọng điểm (không bao gồm các loại hình dịch vụ công nghệ số) ban hành kèm theo Thông tư số 31/2025/TT-BKHCN của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ;

b) Đối với dự án nghiên cứu và phát triển, thiết kế, sản xuất, đóng gói, kiểm thử sản phẩm chip bán dẫn: hoạt động đầu tư của dự án phải thuộc một trong các hoạt động công nghiệp bán dẫn quy định tại các khoản 1, 4, 5, 6 Điều 38 Luật Công nghiệp công nghệ số số 71/2025/QH15;

c) Đối với dự án xây dựng trung tâm dữ liệu trí tuệ nhân tạo: dự án phải có thiết kế hạ tầng tính toán hiệu năng cao phục vụ nghiên cứu, phát triển, huấn luyện hoặc triển khai ứng dụng trí tuệ nhân tạo; đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trung tâm dữ liệu và các yêu cầu về quản lý, vận hành, an toàn thông tin mạng, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân theo quy định của Luật Viễn thông số 24/2023/QH15, Luật Trí tuệ nhân tạo số 134/2025/QH15 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

2. Dự án đề nghị hỗ trợ phải đáp ứng các tiêu chí chung sau đây:

a) Địa điểm triển khai dự án thuộc địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; đồng thời nhà đầu tư có trụ sở chính hoặc chi nhánh hạch toán độc lập và thực hiện kê khai, nộp thuế tại Thành phố Hồ Chí Minh;

b) Trang thiết bị máy móc phục vụ trực tiếp cho hoạt động của dự án là tài sản mới 100%, chưa qua sử dụng;

c) Nhà đầu tư cam kết duy trì hoạt động của dự án và sử dụng tài sản đã được hỗ trợ chi phí cho hoạt động sản xuất, kinh doanh trong thời hạn ít nhất 03 năm liên tiếp kể từ thời điểm đưa vào khai thác, sử dụng;

d) Nhà đầu tư cam kết không bán, chuyển nhượng dự án đầu tư hoặc chuyển giao tài sản cố định đã được hỗ trợ chi phí cho tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân khác sử dụng trong thời hạn 03 năm kể từ thời điểm đưa vào khai thác, sử dụng.

3. Tiêu chí ưu tiên trong xét duyệt và phân bổ kinh phí hỗ trợ

a) Dự án thuộc danh mục ưu tiên thu hút nhà đầu tư chiến lược trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điều 36 Luật Phát triển đô thị;

b) Dự án triển khai tại Khu công nghệ cao, Khu công nghệ số tập trung, Khu công nghiệp, Khu chế xuất, Khu thương mại tự do hoặc các khu chức năng khác trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

c) Nhà đầu tư sở hữu công nghệ thuộc danh mục công nghệ chiến lược, danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển do cấp có thẩm quyền ban hành; hoặc có văn bằng bảo hộ độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn còn hiệu lực tại Việt Nam hoặc ở nước ngoài gắn trực tiếp với sản phẩm của dự án; hoặc có trung tâm nghiên cứu và phát triển (R&D) trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

d) Dự án có văn bản thỏa thuận hợp tác chuyển giao công nghệ hoặc hợp đồng nguyên tắc sử dụng sản phẩm, linh kiện, dịch vụ phụ trợ của các doanh nghiệp trong nước (ưu tiên doanh nghiệp có trụ sở trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh) tham gia vào chuỗi cung ứng của dự án;

đ) Dự án áp dụng mô hình kinh tế tuần hoàn, sử dụng năng lượng sạch, năng lượng tái tạo, đạt chứng nhận công trình xanh hoặc áp dụng tiêu chuẩn thực hành môi trường - xã hội - quản trị (ESG) theo tiêu chuẩn trong nước hoặc quốc tế được công nhận; đối với dự án xây dựng trung tâm dữ liệu trí tuệ nhân tạo có thiết kế chỉ số hiệu quả sử dụng năng lượng (PUE) không vượt quá 1,4;

e) Dự án có sản phẩm, giải pháp công nghệ số, vi mạch bán dẫn hoặc hạ tầng tính toán trí tuệ nhân tạo phục vụ trực tiếp các nhiệm vụ trọng điểm, bài toán về phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số và đô thị thông minh của Thành phố Hồ Chí Minh (trong các lĩnh vực: hạ tầng số, điều hành đô thị thông minh, bản sao số, giao thông, y tế, giáo dục, môi trường, chống ngập và an toàn thông tin) theo chương trình, kế hoạch hoặc danh mục các nhiệm vụ, bài toán do Ủy ban nhân dân Thành phố, Sở Khoa học và Công nghệ công bố;

g) Dự án có tài trợ phòng thí nghiệm dùng chung, tài trợ công cụ và phần mềm phục vụ công tác giảng dạy, cấp học bổng hoặc cử chuyên gia tham gia giảng dạy trực tiếp tại các trường đại học trên địa bàn Thành phố.

Điều 5. Điều kiện xem xét hỗ trợ

1. Dự án quy định tại Điều 1 Nghị quyết này đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư, Quyết định chấp thuận nhà đầu tư hoặc các giấy tờ khác có giá trị pháp lý tương đương theo quy định của pháp luật về đầu tư.

2. Nhà đầu tư không có các khoản nợ thuế, nợ ngân sách nhà nước quá hạn tại thời điểm nộp hồ sơ.

3. Đối với hạng mục xây dựng nhà máy và hạ tầng kỹ thuật, nhà đầu tư đã hoàn thành thi công xây dựng mới, tổ chức nghiệm thu hoàn thành công trình và bàn giao đưa vào khai thác, sử dụng theo quy định của pháp luật về xây dựng.

4. Đối với hạng mục trang thiết bị máy móc, nhà đầu tư phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Đã hoàn thành việc mua sắm, lắp đặt hệ thống trang thiết bị máy móc mới 100%, chưa qua sử dụng; đã nghiệm thu vận hành đồng bộ và bàn giao đưa vào khai thác, sử dụng phục vụ trực tiếp cho hoạt động của dự án;

b) Có hóa đơn hợp pháp, chứng từ thanh toán và hồ sơ, tài liệu chứng minh nguồn gốc, xuất xứ, nhãn mác, chứng nhận chất lượng thiết bị mới 100% theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Nội dung và mức hỗ trợ

1. Mức hỗ trợ:

a) Hỗ trợ 10% chi phí thực tế đầu tư xây dựng nhà máy và hạ tầng kỹ thuật hình thành tài sản cố định đã được tổ chức kiểm toán độc lập xác nhận (không vượt quá suất vốn đầu tư do Bộ Xây dựng ban hành hoặc tổng mức đầu tư đã được thẩm định theo quy định), mức hỗ trợ tối đa không quá 100 tỷ đồng;

b) Hỗ trợ 10% nguyên giá tài sản cố định thực tế hình thành đối với hạng mục trang thiết bị máy móc đã được tổ chức kiểm toán độc lập xác nhận, mức hỗ trợ tối đa không quá 100 tỷ đồng.

2. Đối với các dự án thực hiện theo nhiều giai đoạn hoặc đầu tư mở rộng, kinh phí hỗ trợ được tính cộng dồn qua các đợt xét duyệt, bảo đảm tổng số tiền nhận hỗ trợ qua các giai đoạn không vượt quá mức hỗ trợ tối đa quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 7. Hồ sơ, trình tự, thủ tục thực hiện hỗ trợ

1. Thành phần hồ sơ đề nghị hỗ trợ

a) Văn bản đề nghị hưởng hỗ trợ chi phí theo Mẫu số 01/HTCP.

b) Bản sao hợp lệ Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có) hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương.

c) Bản gốc hoặc bản sao hợp lệ xác nhận hoàn thành nghĩa vụ thuế của cơ quan thuế quản lý trực tiếp nhà đầu tư, ngoại trừ trường hợp tổ chức, doanh nghiệp mới thành lập để thực hiện dự án.

d) Tài liệu xác định các chi phí đầu tư đối với các hạng mục đề nghị hỗ trợ đã được kiểm toán bởi cơ quan kiểm toán độc lập kèm bảng kê khai các chi phí đề nghị hỗ trợ theo quy định tại Nghị quyết này. Chi phí đề nghị hỗ trợ phải có hóa đơn chứng từ hợp pháp và được lưu trữ tại nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về kế toán.

đ) Văn bản cam kết về việc hưởng hỗ trợ được thực hiện theo nguyên tắc, tiêu chí, điều kiện quy định tại Điều 3, Điều 4, Điều 5 Nghị quyết này theo Mẫu số 02/HTCP.

2. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ và xử lý hồ sơ thực hiện thủ tục hỗ trợ chi phí

a) Ban Quản lý Khu Công nghệ cao, Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp, các Ban Quản lý chuyên ngành và cơ quan quản lý khu chức năng tiếp nhận hồ sơ thực hiện thủ tục hỗ trợ chi phí đối với các dự án đầu tư thực hiện trong phạm vi khu chức năng được giao quản lý (bao gồm: khu công nghệ cao, khu công nghệ số tập trung, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, khu thương mại tự do, khu logistics tích hợp, khu chức năng trong khu kinh tế, khu kinh tế đặc biệt và các khu chức năng mới được thành lập theo quy định của pháp luật);

b) Sở Khoa học và Công nghệ tiếp nhận hồ sơ thực hiện thủ tục hỗ trợ chi phí đối với các dự án đầu tư thực hiện ngoài phạm vi các khu chức năng quy định tại điểm a khoản này hoặc dự án đầu tư thực hiện trong các khu chức năng chưa thành lập Ban Quản lý chuyên ngành, chưa được Ủy ban nhân dân Thành phố phân công, giao nhiệm vụ cho cơ quan quản lý trực tiếp.

3. Trình tự và thủ tục đánh giá đề nghị hỗ trợ chi phí

a) Nhà đầu tư nộp 08 bộ hồ sơ thực hiện thủ tục hỗ trợ chi phí (trong đó có 01 bộ hồ sơ gốc) trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan tiếp nhận hồ sơ hoặc qua dịch vụ bưu chính trước ngày 30 tháng 6 hằng năm.

b) Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ hoặc có nội dung cần làm rõ, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị hỗ trợ chi phí của nhà đầu tư, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho nhà đầu tư, nêu rõ nội dung cần sửa đổi, bổ sung hoặc lý do từ chối. Trong thời hạn 10 ngày, nhà đầu tư có trách nhiệm sửa đổi, bổ sung hồ sơ theo yêu cầu.

c) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ gửi hồ sơ lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị có liên quan.

d) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan được lấy ý kiến có văn bản trả lời về nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của mình, gửi cơ quan tiếp nhận hồ sơ.

đ) Trường hợp cơ quan được lấy ý kiến có yêu cầu nhà đầu tư giải trình nội dung trong hồ sơ đề nghị, cơ quan tiếp nhận hồ sơ tổng hợp các nội dung cần làm rõ và gửi văn bản cho nhà đầu tư trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu từ cơ quan tiếp nhận hồ sơ, nhà đầu tư có trách nhiệm giải trình, bổ sung tài liệu có liên quan và điều chỉnh hồ sơ đề nghị hỗ trợ chi phí (nếu có).

e) Trên cơ sở hồ sơ đề nghị hỗ trợ chi phí của các nhà đầu tư, ý kiến bằng văn bản của các cơ quan được lấy ý kiến và văn bản giải trình của nhà đầu tư (nếu

có), cơ quan tiếp nhận hồ sơ lập báo cáo đánh giá đề nghị hỗ trợ chi phí của các nhà đầu tư theo các nội dung quy định tại Mẫu số 03/HTCP;

g) Cơ quan tiếp nhận hồ sơ tổng hợp các đề nghị hỗ trợ chi phí của nhà đầu tư, gửi báo cáo về Sở Khoa học và Công nghệ chậm nhất vào ngày 01 tháng 10 hằng năm.

h) Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo tổng hợp của cơ quan tiếp nhận hồ sơ, Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính rà soát, tổng hợp và trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, phê duyệt danh sách nhà đầu tư và mức kinh phí hỗ trợ cho từng dự án trong phạm vi dự toán ngân sách được giao.

4. Quy trình thực hiện chi hỗ trợ theo hình thức lệnh chi tiền

a) Căn cứ văn bản phê duyệt tổng mức hỗ trợ chi phí của Ủy ban nhân dân Thành phố, Sở Khoa học và Công nghệ gửi thông báo về hạn mức kinh phí hỗ trợ cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ có dự án được duyệt, đồng thời gửi Kho bạc Nhà nước Khu vực II để phối hợp thực hiện;

b) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, cơ quan tiếp nhận hồ sơ kiểm tra, đối chiếu các tài liệu và thực hiện các thủ tục theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và ban hành quyết định hỗ trợ trực tiếp chi phí đầu tư cho từng nhà đầu tư đủ điều kiện (Mẫu số 04/HTCP), đồng thời gửi quyết định hỗ trợ trực tiếp chi phí đầu tư về Sở Khoa học và Công nghệ để theo dõi, tổng hợp;

c) Căn cứ hạn mức hỗ trợ được thông báo, quyết định hỗ trợ trực tiếp chi phí đầu tư cho các nhà đầu tư và dự toán ngân sách được giao, cơ quan tiếp nhận hồ sơ lập hồ sơ đề nghị chi gửi Sở Tài chính để thực hiện thanh toán bằng hình thức lệnh chi tiền theo quy định tại Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.

Điều 8. Lập, giao dự toán và quyết toán kinh phí hỗ trợ

1. Lập và giao dự toán ngân sách nhà nước

a) Ủy ban nhân dân Thành phố trình Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, bố trí, điều chỉnh kế hoạch vốn hằng năm trong kế hoạch đầu tư công để thực hiện hỗ trợ cho các dự án.

b) Căn cứ kế hoạch vốn hằng năm đã được Hội đồng nhân dân Thành phố thông qua, Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định phân khai chi tiết kinh phí hỗ trợ cho các dự án.

2. Quyết toán kinh phí hỗ trợ

a) Ủy ban nhân dân Thành phố chỉ đạo Sở Tài chính cấp mã quan hệ ngân

sách, mã dự án và thực hiện chủ trì thẩm tra quyết toán kinh phí hỗ trợ cho dự án.

b) Cơ quan tiếp nhận hồ sơ thực hiện thủ tục quyết toán kinh phí hỗ trợ theo quy định tại Nghị định số 193/2026/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định về quyết toán vốn đầu tư dự án.

Điều 9. Nguồn kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện các nội dung hỗ trợ quy định tại Điều 6 của Nghị quyết này được bố trí từ nguồn chi đầu tư phát triển trong dự toán ngân sách hằng năm của Thành phố theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Điều 10. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này bảo đảm công khai, minh bạch, đúng quy định pháp luật; định kỳ báo cáo Hội đồng nhân dân Thành phố kết quả thực hiện.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát việc tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

Điều 11. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027.

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo quy định tại các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khóa XI, Kỳ họp thứ ... thông qua ngày ... tháng ...năm 2026.

Nơi nhận:
- Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp; Bộ Tài chính; Bộ KHCN;
- Cục kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Thành ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội Thành phố;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQ Thành phố;
- Các Ban Đảng Thành ủy;
- Các Văn phòng: Thành ủy; Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND Thành phố;
- Các sở, ban, ngành Thành phố;
- Thường trực HĐND, UBND phường, xã và đặc khu;
- Trung tâm Thông tin điện tử Thành phố;
- Lưu: VT, ….

CHỦ TỊCH

Phụ lục
CÁC BIỂU MẪU
(Kèm theo Nghị quyết số …… ngày…. tháng ……năm 2026 của Hội đồng nhân dân Thành phố)

Mẫu số 01/HTCP. Văn bản đề nghị hưởng hỗ trợ chi phí đầu tư

TÊN NHÀ ĐẦU TƯ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: ……/……	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày … tháng … năm 20…*

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ HƯỞNG HỖ TRỢ CHI PHÍ ĐẦU TƯ

Kính gửi: …… *[Tên Cơ quan tiếp nhận hồ sơ theo khoản 2 Điều 7 Nghị quyết]*

Nhà đầu tư: .....

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế: .....

Địa chỉ trụ sở chính (hoặc chi nhánh hạch toán độc lập tại TP.HCM): .....
.....

Người đại diện theo pháp luật: ..... Chức vụ: .....

Điện thoại liên hệ: ..... Email: .....

Tài khoản nhận kinh phí hỗ trợ số: ..... mở tại Ngân hàng: .....
.....

Căn cứ Nghị quyết số ...../2026/NQ-HĐND ngày ..... tháng ..... năm 2026 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, *[Nhà đầu tư]* đề nghị xem xét hỗ trợ trực tiếp chi phí đầu tư cho dự án với các thông tin cụ thể như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Tên dự án: .....

2. Địa điểm thực hiện dự án: .....

3. Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư / Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (hoặc giấy tờ pháp lý tương đương) số: ..... do ..... cấp ngày ...../...../20....

4. Tổng vốn đầu tư đăng ký của dự án: ..... tỷ đồng.

5. Thời điểm đưa dự án / hạng mục công trình, thiết bị vào khai thác, vận hành: Ngày ...../...../20....

II. ĐÁNH GIÁ SỰ PHÙ HỢP VỚI TIÊU CHÍ VÀ ĐIỀU KIỆN HỖ TRỢ

1. Loại hình dự án và tiêu chí kỹ thuật (Khoản 1 Điều 4 Nghị quyết): *(Đánh dấu [X] vào loại hình tương ứng và thuyết minh tóm tắt)*

[ ] **Dự án sản xuất sản phẩm công nghệ số trọng điểm:** Sản phẩm đầu ra thuộc nhóm ..... tại Thông tư số 31/2025/TT-BKHCN của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

[ ] **Dự án nghiên cứu và phát triển, thiết kế, sản xuất, đóng gói, kiểm thử sản phẩm chip bán dẫn:** Thuộc hoạt động công nghiệp bán dẫn quy định tại khoản ..... Điều 38 Luật Công nghiệp công nghệ số số 71/2025/QH15.

[ ] **Dự án xây dựng trung tâm dữ liệu trí tuệ nhân tạo:** Quy mô hạ tầng tính toán hiệu năng cao .....; đáp ứng các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và yêu cầu theo Luật Viễn thông số 24/2023/QH15, Luật Trí tuệ nhân tạo số 134/2025/QH15.

2. Việc đáp ứng các tiêu chí ưu tiên (Khoản 3 Điều 4 Nghị quyết - nếu có): *(Kê khai các tiêu chí ưu tiên từ điểm a đến điểm g khoản 3 Điều 4 mà dự án đạt được kèm theo văn bản, tài liệu minh chứng)*:

a) Thuộc danh mục ưu tiên thu hút nhà đầu tư chiến lược (Điều 36 Luật Phát triển đô thị): .....

b) Triển khai tại khu chức năng: .....
.....

c) Sở hữu công nghệ chiến lược / công nghệ cao / văn bản bảo hộ sở hữu trí tuệ / Trung tâm nghiên cứu và phát triển (R&D): .....
.....

d) Hợp tác chuyển giao công nghệ / chuỗi cung ứng trong nước: .....
.....

đ) Công trình xanh / Kinh tế tuần hoàn / ESG / Chỉ số PUE (đối với Trung tâm dữ liệu trí tuệ nhân tạo): .....

e) Phục vụ nhiệm vụ / bài toán của Thành phố theo công bố của Ủy ban nhân dân Thành phố, Sở Khoa học và Công nghệ: .....
.....

g) Hợp tác tài trợ phòng thí nghiệm, phần mềm, học bổng, đào tạo đại học: .....

III. BẢNG KÊ KHAI CHI PHÍ THỰC TẾ VÀ MỨC ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ (Điều 6 Nghị quyết)

Căn cứ Báo cáo kiểm toán độc lập số ..... ngày ..../.../20.... của Công ty kiểm toán ....., Nhà đầu tư kê khai chi phí thực tế hình thành tài sản cố định và mức kinh phí đề nghị hỗ trợ như sau:

Đơn vị tính: Việt Nam đồng.

TT	Hạng mục đề nghị hỗ trợ	Tổng mức đầu tư / Suất vốn đầu tư theo quy định (1)	Giá trị chi phí thực tế hình thành TSCĐ được kiểm toán độc lập xác nhận (2)	Số tiền hỗ trợ lũy kế đã nhận các đợt trước (nếu có) (3)	Số tiền đề nghị hỗ trợ kỳ này (4)
1	**Hạng mục đầu tư xây dựng nhà máy và hạ tầng kỹ thuật** *(tối đa 100 tỷ đồng)*				
1.1	Công trình/ hạng mục A (Hóa đơn, chứng từ số..., ngày...)				
1.2	...				
2	**Hạng mục đầu tư trang thiết bị máy móc mới 100%** *(tối đa 100 tỷ đồng)*				
2.1	Hệ thống thiết bị/máy móc B (Hóa đơn số..., CO/CQ số...)				
2.2	...				
	TỔNG CỘNG				

(Bằng chữ: .....)

[Nhà đầu tư] gửi kèm theo văn bản này hồ sơ đề nghị hỗ trợ chi phí theo quy định tại khoản 1 Điều 7 gửi kèm theo Văn bản này bộ hồ sơ đầy đủ theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị quyết số ...../2026/NQ-HĐND. Kính đề nghị Quý Cơ quan xem xét, giải quyết./.

NGƯỜI LẬP BIỂU	**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ ĐẦU TƯ**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)*

Mẫu số 02/HTCP. Văn bản cam kết về việc hưởng hỗ trợ chi phí đầu tư

TÊN NHÀ ĐẦU TƯ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Số: ……/CK-……	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm 20…

VĂN BẢN CAM KẾT
Về việc thực hiện các nguyên tắc, tiêu chí, điều kiện hưởng hỗ trợ chi phí đầu tư

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Sở Khoa học và Công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh;
- …… *(Tên Cơ quan tiếp nhận hồ sơ theo khoản 2 Điều 7 Nghị quyết)*.

Nhà đầu tư: .....

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế: .....

Địa chỉ trụ sở chính (hoặc chi nhánh hạch toán độc lập tại TP.HCM): .....
.....

Người đại diện theo pháp luật: ..... Chức vụ: .....

Chủ đầu tư dự án: .....

Thực hiện quy định tại điểm e khoản 1 Điều 7 Nghị quyết số ...../2026/NQ-HĐND ngày ..... tháng ..... năm 2026 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, *[Nhà đầu tư]* xin cam kết trước pháp luật các nội dung sau đây:

1. Toàn bộ số liệu, thông tin, hóa đơn, chứng từ và tài liệu trong Hồ sơ đề nghị hỗ trợ chi phí đầu tư của dự án là hợp pháp, chính xác, trung thực; các chứng từ gốc được lưu trữ đầy đủ tại đơn vị theo quy định của pháp luật về kế toán.

2. Các hạng mục chi phí đầu tư xây dựng nhà máy, hạ tầng kỹ thuật và trang thiết bị máy móc đề nghị hỗ trợ theo Nghị quyết này chưa nhận bất kỳ khoản hỗ trợ chi phí nào cho cùng hạng mục từ các hình thức hỗ trợ khác của Chính phủ, Thành phố Hồ Chí Minh hoặc địa phương khác.

3. Toàn bộ trang thiết bị máy móc đề nghị hỗ trợ chi phí là tài sản mới 100%, chưa qua sử dụng, có đầy đủ chứng nhận nguồn gốc, xuất xứ, chất lượng và phục vụ trực tiếp cho hoạt động của dự án trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Cam kết duy trì hoạt động của dự án và sử dụng tài sản cố định được hỗ trợ chi phí cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của dự án trong thời hạn ít nhất 03 năm liên tiếp kể từ thời điểm dự án, tài sản cố định được đưa vào khai thác, sử dụng.

5. Cam kết không bán, không chuyển nhượng dự án đầu tư hoặc chuyển giao tài sản cố định đã được hỗ trợ chi phí cho tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân khác sử dụng trong thời hạn 03 năm kể từ thời điểm đưa vào khai thác, sử dụng.

6. Định kỳ hằng năm (trước ngày 31 tháng 3 của năm tiếp theo sau khi kết thúc năm tài chính), thực hiện báo cáo đầy đủ tình hình thực hiện các cam kết được hưởng hỗ trợ gửi Sở Khoa học và Công nghệ và Cơ quan tiếp nhận hồ sơ để theo dõi, giám sát.

Trường hợp vi phạm một trong các nguyên tắc, tiêu chí, điều kiện hoặc cam kết nêu trên (thuộc các trường hợp quy định tại Điều 3 Nghị quyết số ...../2026/NQ-HĐND), Nhà đầu tư cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật và thực hiện bồi hoàn đầy đủ số tiền hỗ trợ chi phí đã nhận vào ngân sách Thành phố theo quy định./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ ĐẦU TƯ
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Mẫu số 03/HTCP. Báo cáo đánh giá đề nghị hỗ trợ chi phí đầu tư

TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: ……/……	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày … tháng … năm 20…*

BÁO CÁO

Đánh giá đề nghị hỗ trợ chi phí đầu tư của dự án

Tên dự án: ……

Kính gửi: Sở Khoa học và Công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh.

[Tên Cơ quan tiếp nhận hồ sơ] nhận được Văn bản đề nghị hưởng hỗ trợ chi phí số ..... ngày ..... tháng ..... năm 20.... của *[Nhà đầu tư]* đề nghị xem xét hỗ trợ trực tiếp chi phí đầu tư đối với dự án *[Tên dự án]*. Ngày …/…/20…, *[Tên Cơ quan tiếp nhận hồ sơ]* đã nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ của dự án. Sau khi xem xét, tổ chức đánh giá, tổng hợp ý kiến của các cơ quan, đơn vị có liên quan và văn bản giải trình của Nhà đầu tư (nếu có) từ ngày …/…/20… đến ngày …/…/20… theo quy định, *[Tên Cơ quan tiếp nhận hồ sơ]* báo cáo kết quả đánh giá đề nghị hỗ trợ chi phí đầu tư của dự án *[Tên dự án]* như sau:

Phần thứ nhất
TÀI LIỆU ĐÁNH GIÁ VÀ TỔ CHỨC ĐÁNH GIÁ

I. HỒ SƠ TÀI LIỆU ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ

1. Văn bản đề nghị hưởng hỗ trợ chi phí của *[Nhà đầu tư]* số ..... ngày …/…/20….

2. Bản sao hợp lệ Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư / Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương) số ..... ngày …/…/20… do ..... cấp.

3. Văn bản xác nhận hoàn thành nghĩa vụ thuế số ..... ngày …/…/20… của ..... *[cơ quan thuế quản lý trực tiếp]*.

4. Báo cáo kiểm toán độc lập xác định chi phí đầu tư đối với các hạng mục đề nghị hỗ trợ số ..... ngày …/…/20… của Công ty kiểm toán ..... kèm theo Bảng kê khai các chi phí đề nghị hỗ trợ.

5. Văn bản cam kết về việc hưởng hỗ trợ của Nhà đầu tư số ..... ngày …/…/20….

6. Hồ sơ nghiệm thu hoàn thành công trình xây dựng đưa vào khai thác, sử dụng (đối với hạng mục nhà máy, hạ tầng kỹ thuật); hồ sơ nghiệm thu chạy thử đồng bộ, bàn giao đưa trang thiết bị vào sử dụng, hóa đơn tài chính, chứng từ

thanh toán không dùng tiền mặt và hồ sơ chứng minh nguồn gốc, xuất xứ, chất lượng thiết bị mới 100% (đối với hạng mục trang thiết bị máy móc).

7. Văn bản giải trình, bổ sung tài liệu của Nhà đầu tư số … ngày …/…/20… (nếu có) và các tài liệu pháp lý khác có liên quan.

II. CÁC CĂN CỨ PHÁP LÝ ĐỂ ĐÁNH GIÁ

Luật Công nghiệp công nghệ số số 71/2025/QH15;

Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 145/2025/QH15;

Luật Xây dựng số 135/2025/QH15; Luật Đầu tư số 143/2025/QH15; Luật Viễn thông số 24/2023/QH15; Luật Trí tuệ nhân tạo số 134/2025/QH15; Luật Phát triển đô thị số 18/2026/QH16;

Nghị quyết số …/2026/NQ-HĐND ngày … tháng … năm 2026 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quy định tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, nội dung và mức hỗ trợ trực tiếp chi phí đầu tư đối với dự án sản xuất sản phẩm công nghệ số trọng điểm; dự án nghiên cứu và phát triển, thiết kế, sản xuất, đóng gói, kiểm thử sản phẩm chip bán dẫn; dự án xây dựng trung tâm dữ liệu trí tuệ nhân tạo trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Các văn bản quy phạm pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia có liên quan.

III. QUÁ TRÌNH TỔ CHỨC ĐÁNH GIÁ

(Nêu quá trình tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ; văn bản gửi lấy ý kiến các sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan; việc tổng hợp yêu cầu giải trình gửi Nhà đầu tư và tiếp nhận văn bản giải trình, bổ sung của Nhà đầu tư; tổ chức họp Hội đồng/Tổ chuyên gia đánh giá hoặc kiểm tra thực tế tại địa điểm thực hiện dự án nếu có).

Phần thứ hai
Ý KIẾN ĐÁNH GIÁ

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ NHÀ ĐẦU TƯ VÀ DỰ ÁN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ

1. Tên Nhà đầu tư: ..... Mã số thuế: .....

2. Địa chỉ trụ sở chính (hoặc chi nhánh hạch toán độc lập tại TP.HCM): .....

3. Tên dự án: .....

4. Loại hình dự án (theo khoản 1 Điều 4 Nghị quyết): .....

5. Mục tiêu và quy mô đầu tư của dự án: .....

6. Địa điểm thực hiện dự án: .....

7. Tổng vốn đầu tư của dự án: .....

8. Thời gian thực hiện và thời điểm đưa dự án/tài sản cố định vào khai thác, vận hành: .....

9. Nội dung và mức kinh phí Nhà đầu tư đề nghị hỗ trợ:

Hạng mục đầu tư xây dựng nhà máy và hạ tầng kỹ thuật: ..... đồng.

Hạng mục đầu tư trang thiết bị máy móc: ..... đồng.

Tổng kinh phí đề nghị hỗ trợ kỳ này: ..... đồng.

II. TỔNG HỢP Ý KIẾN CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CÓ LIÊN QUAN VÀ GIẢI TRÌNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

1. Ý kiến của các cơ quan, đơn vị phối hợp (theo điểm c, d khoản 3 Điều 7 Nghị quyết):

Ý kiến của *(Tên cơ quan 1)* tại Văn bản số ..... ngày …/…/20…: .....

Ý kiến của *(Tên cơ quan 2)* tại Văn bản số ..... ngày …/…/20…: .....

2. Nội dung giải trình, tiếp thu, bổ sung hồ sơ của Nhà đầu tư (theo điểm đ khoản 3 Điều 7 Nghị quyết - nếu có): .....
.....

III. Ý KIẾN ĐÁNH GIÁ CHI TIẾT

1. Đánh giá về tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ và sự tuân thủ nguyên tắc hỗ trợ (Điều 3 và khoản 1 Điều 7 Nghị quyết)

a) Về thành phần, quy cách và tính hợp lệ của hồ sơ đề nghị hỗ trợ theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị quyết: .....

Kết luận: (Đầy đủ, hợp lệ / Không hợp lệ).

b) Về thời điểm cấp văn bản pháp lý về đầu tư của dự án (được cấp từ ngày Điều 28 Luật Công nghiệp công nghệ số có hiệu lực thi hành theo khoản 4 Điều 3 Nghị quyết): .....

Kết luận: (Phù hợp / Không phù hợp).

c) Về nguyên tắc không trùng lặp hình thức hỗ trợ khác của Chính phủ, Thành phố Hồ Chí Minh cho cùng một hạng mục chi phí (khoản 3 Điều 3 Nghị quyết): .....

Kết luận: (Đáp ứng / Không đáp ứng).

2. Đánh giá việc đáp ứng các tiêu chí kỹ thuật và tiêu chí chung (Khoản 1, Khoản 2 Điều 4 Nghị quyết)

a) Sự phù hợp về tiêu chí kỹ thuật chuyên ngành theo khoản 1 Điều 4 Nghị quyết: *(Thuyết minh rõ đối với từng loại dự án tương ứng)*:

Đối với dự án sản xuất sản phẩm công nghệ số trọng điểm: Đánh giá sự phù hợp của sản phẩm đầu ra so với Danh mục sản phẩm công nghệ số trọng điểm tại Thông tư số 31/2025/TT-BKHCN;

Hoặc đối với dự án nghiên cứu và phát triển, thiết kế, sản xuất, đóng gói, kiểm thử sản phẩm chip bán dẫn: Đánh giá sự phù hợp của hoạt động đầu tư so với quy định tại các khoản 1, 4, 5, 6 Điều 38 Luật Công nghiệp công nghệ số số 71/2025/QH15;

Hoặc đối với dự án xây dựng trung tâm dữ liệu trí tuệ nhân tạo: Đánh giá thiết kế hạ tầng tính toán hiệu năng cao; sự tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trung tâm dữ liệu và các yêu cầu về quản lý, vận hành, an toàn thông tin mạng, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân theo Luật Viễn thông số 24/2023/QH15 và Luật Trí tuệ nhân tạo số 134/2025/QH15.

Kết luận: .....

b) Sự phù hợp về tiêu chí chung theo khoản 2 Điều 4 Nghị quyết (địa điểm dự án tại TP.HCM; trụ sở chính hoặc chi nhánh hạch toán độc lập, kê khai nộp thuế tại TP.HCM; trang thiết bị máy móc mới 100%, chưa qua sử dụng; cam kết duy trì hoạt động dự án, sử dụng tài sản cố định và không bán, chuyển nhượng trong thời hạn ít nhất 03 năm):

Kết luận: .....

3. Đánh giá việc đáp ứng các điều kiện xem xét hỗ trợ (Điều 5 Nghị quyết)

a) Điều kiện về pháp lý đầu tư và tình trạng hoàn thành nghĩa vụ thuế, không có nợ thuế, nợ ngân sách nhà nước quá hạn tại thời điểm nộp hồ sơ (khoản 1, khoản 2 Điều 5 Nghị quyết):

Kết luận: .....

b) Điều kiện đối với hạng mục xây dựng nhà máy và hạ tầng kỹ thuật (khoản 3 Điều 5 Nghị quyết - hoàn thành thi công xây dựng mới hoàn toàn, nghiệm thu hoàn thành công trình và bàn giao đưa vào khai thác, sử dụng theo quy định pháp luật về xây dựng): *(Nếu dự án không đề nghị hỗ trợ hạng mục này thì ghi "Không áp dụng")*

Kết luận: .....

c) Điều kiện đối với hạng mục trang thiết bị máy móc (khoản 4 Điều 5 Nghị quyết - hoàn thành mua sắm, lắp đặt thiết bị mới 100%, nghiệm thu chạy thử đồng bộ, đưa vào khai thác thực tế; đầy đủ hóa đơn tài chính hợp pháp, chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt, hồ sơ nguồn gốc, xuất xứ, chất lượng): *(Nếu dự án không đề nghị hỗ trợ hạng mục này thì ghi "Không áp dụng")*

Kết luận: .....

4. Đánh giá việc đáp ứng các tiêu chí ưu tiên (Khoản 3 Điều 4 Nghị quyết)

(Phân tích, đối chiếu hồ sơ minh chứng của dự án với từng tiêu chí ưu tiên từ điểm a đến điểm g khoản 3 Điều 4 Nghị quyết để làm cơ sở xếp thứ tự ưu tiên phân bổ dự toán ngân sách)

a) Thuộc danh mục ưu tiên thu hút nhà đầu tư chiến lược theo Điều 36 Luật Phát triển đô thị): *(Đạt / Không đạt - Nêu rõ căn cứ)*.

b) Triển khai tại khu chức năng trên địa bàn Thành phố): *(Đạt / Không đạt - Nêu rõ tên khu chức năng)*.

c) Sở hữu công nghệ chiến lược, công nghệ cao / Văn bằng bảo hộ SHTT / Trung tâm R&D tại TP.HCM): *(Đạt / Không đạt - Nêu rõ căn cứ)*.

d) Thỏa thuận chuyển giao công nghệ / Hợp đồng sử dụng sản phẩm, linh kiện, dịch vụ phụ trợ của doanh nghiệp trong nước): *(Đạt / Không đạt - Nêu rõ căn cứ)*.

đ) Kinh tế tuần hoàn, năng lượng tái tạo, công trình xanh, ESG; chỉ số PUE ≤ 1,4 đối với trung tâm dữ liệu AI): *(Đạt / Không đạt - Nêu rõ căn cứ)*.

e) Phục vụ trực tiếp các bài toán lớn, nhiệm vụ trọng điểm của Thành phố theo công bố của UBND Thành phố, Sở Khoa học và Công nghệ): *(Đạt / Không đạt - Nêu rõ căn cứ)*

g) Tài trợ phòng thí nghiệm dùng chung, bản quyền phần mềm thiết kế, học bổng hoặc cử chuyên gia giảng dạy tại trường đại học trên địa bàn Thành phố): *(Đạt / Không đạt - Nêu rõ căn cứ)*

Kết luận về mức độ ưu tiên của dự án: .....

5. Đánh giá chi phí thực tế hình thành tài sản cố định và xác định mức kinh phí hỗ trợ (Điều 6 Nghị quyết)

a) Sự tuân thủ quy định pháp luật trong việc xác định chi phí thực tế hình thành tài sản cố định đã được kiểm toán độc lập xác nhận; sự phù hợp với suất vốn đầu tư do Bộ Xây dựng ban hành hoặc tổng mức đầu tư đã được thẩm định (đối với hạng mục xây dựng) và sự phù hợp về hạn mức hỗ trợ cộng dồn qua các giai đoạn (khoản 1, khoản 2 Điều 6 Nghị quyết)

b) Bảng tổng hợp kết quả thẩm định chi phí và mức kinh phí hỗ trợ đề xuất:

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TT	Nội dung hạng mục hỗ trợ	Chi phí thực tế hình thành TSCĐ theo Báo cáo kiểm toán độc lập	Chi phí hợp lệ được Cơ quan tiếp nhận hồ sơ xác nhận	Kinh phí hỗ trợ lũy kế đã nhận các đợt trước (nếu có)	Kinh phí đề nghị hỗ trợ (theo đề xuất của Nhà đầu tư)	Kinh phí đủ điều kiện hỗ trợ (theo đánh giá của Cơ	Chênh lệch (Tăng / Giảm) và lý do

						quan tiếp nhận)	
1	Đầu tư xây dựng nhà máy và hạ tầng kỹ thuật *(tối đa 100 tỷ đồng)*						
2	Đầu tư trang thiết bị máy móc *(tối đa 100 tỷ đồng)*						
	Tổng cộng						

Kết luận về tổng mức kinh phí đủ điều kiện hỗ trợ: ..... đồng *(Bằng chữ: .....)*.

6. Các ý kiến đánh giá khác (nếu có)

(Trong từng trường hợp cụ thể, Cơ quan tiếp nhận hồ sơ có thể bổ sung các nội dung đánh giá khác bảo đảm phù hợp với quy định pháp luật và chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố).

IV. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Dự án *[Tên dự án]* của *[Nhà đầu tư]* **đủ điều kiện** *(hoặc chưa đủ điều kiện)* để được hưởng hỗ trợ trực tiếp chi phí đầu tư theo quy định tại Nghị quyết số …/2026/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh với tổng mức kinh phí hỗ trợ đề xuất là: …… đồng.

2. Trên đây là Báo cáo đánh giá đề nghị hỗ trợ chi phí đầu tư của *[Tên Cơ quan tiếp nhận hồ sơ]* đối với dự án *[Tên dự án]*, gửi Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp, chủ trì phối hợp với Sở Tài chính trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, phê duyệt theo quy định./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- UBND Thành phố (để báo cáo);
- Sở Tài chính (để phối hợp);
- Nhà đầu tư (để biết);
- Các cơ quan liên quan;
- Lưu: VT, …;

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN TIẾP NHẬN HỒ SƠ
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Số: ……/……	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
	Thành phố Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm 20…

QUYẾT ĐỊNH

Về việc hỗ trợ trực tiếp chi phí đầu tư cho …… *[Tên nhà đầu tư]* thực hiện Dự án …… *[Tên dự án]*

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN ……

Căn cứ Luật Công nghiệp công nghệ số số 71/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 145/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 347/2025/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số .../2026/NQ-HĐND ngày ... tháng ... năm 2026 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quy định tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, nội dung và mức hỗ trợ trực tiếp chi phí đầu tư đối với dự án sản xuất sản phẩm công nghệ số trọng điểm; dự án nghiên cứu và phát triển, thiết kế, sản xuất, đóng gói, kiểm thử sản phẩm chip bán dẫn; dự án xây dựng trung tâm dữ liệu trí tuệ nhân tạo trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số .../UBND-... ngày ... tháng ... năm 20… của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt danh sách nhà đầu tư và tổng mức hỗ trợ chi phí;

Căn cứ Thông báo số .../TB-SKHCN ngày ... tháng ... năm 20… của Sở Khoa học và Công nghệ về hạn mức kinh phí hỗ trợ năm 20…; Xét Hồ sơ đề nghị hỗ trợ chi phí của …… và đề nghị của ……,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hỗ trợ trực tiếp chi phí đầu tư từ nguồn chi đầu tư phát triển của ngân sách Thành phố Hồ Chí Minh năm 20… cho Nhà đầu tư với các nội dung sau:

1. Tên Nhà đầu tư: .....

2. Mã số doanh nghiệp / Mã số thuế: .....

3. Địa chỉ: .....

4. Tên dự án được hỗ trợ: .....

5. Nội dung và số tiền hỗ trợ:

a) Hỗ trợ chi phí đầu tư xây dựng nhà máy và hạ tầng kỹ thuật: ..... đồng;

b) Hỗ trợ chi phí đầu tư trang thiết bị máy móc: ..... đồng;

Tổng số tiền hỗ trợ: ..... đồng *(Bằng chữ: .....)*.

Thông tin tài khoản nhận tiền hỗ trợ của Nhà đầu tư:

- Tên tài khoản: .....

- Số tài khoản: ..... tại Ngân hàng: .....

Điều 2. Trách nhiệm của các đơn vị:

1. Phòng/Bộ phận kế toán - tài chính thuộc *(Tên Cơ quan tiếp nhận hồ sơ)* có trách nhiệm lập hồ sơ thanh toán kèm theo Quyết định này gửi Kho bạc Nhà nước Khu vực II để thực hiện giải ngân kinh phí hỗ trợ cho Nhà đầu tư theo quy định tại khoản 4 Điều 7 Nghị quyết số …/2026/NQ-HĐND.

2. *[Nhà đầu tư]* có trách nhiệm quản lý, hạch toán khoản kinh phí được hỗ trợ theo đúng quy định của pháp luật; thực hiện nghiêm các cam kết tại Điều 3, Điều 4, Điều 5 Nghị quyết số …/2026/NQ-HĐND và chế độ báo cáo định kỳ hằng năm trước ngày 31 tháng 3 của năm tiếp theo gửi Sở Khoa học và Công nghệ và *(Tên Cơ quan tiếp nhận hồ sơ)*.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng (Trưởng phòng Hành chính - Tổng hợp), Trưởng các phòng/ban chuyên môn trực thuộc, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Khu vực II và Người đại diện theo pháp luật của *[Tên Nhà đầu tư]* chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- UBND Thành phố (để báo cáo);
- Sở Khoa học và Công nghệ;
- Sở Tài chính;
- Kho bạc Nhà nước KV II;
- Lưu: VT, …;

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)